

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1971/2023/DS-ST
Ngày: 28/9/2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhơn

Ông Trần Văn Phú

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Nguyễn Hồng An – Thư ký Toà án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh** tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại phòng xử án của Toà án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 1248/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 0527/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 0421/2023/QĐST-DS ngày 07/9/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Công ty tài chính TNHH Một thành viên M (Việt Nam)

Trụ sở: 91 đường P, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Đức N, sinh năm 2000

Địa chỉ: Tầng 4 Tòa nhà số A, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy ủy quyền không số ngày 06/7/2023.

(Bà N có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1993

Địa chỉ: 0.24 Chung cư V đường Y, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2023 và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Đức N tại bản tự khai và các biên bản hòa giải:

Công ty tài chính TNHH Một thành viên M (Việt Nam) (Từ sau đây viết tắt là “Công ty M”) và bà Nguyễn Thị Ngọc D có ký Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 2259476 ngày 17/5/2021 kèm theo Bản điều khoản và điều kiện cho vay (Sau đây ghi tắt là “Hợp đồng”) về việc cấp tín dụng cho bà D với nội dung như sau:

- Số tiền vay: 52.750.000 đồng, bao gồm 50.000.000đ tiền vay và 2.750.000đ phí bảo hiểm.

- Thời hạn vay: Từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 05/5/2024.

- Lãi suất: 3,75%/tháng;

- Kỳ thanh toán: Ngày 05 dương lịch hàng tháng.

Nguyên đơn đã giải ngân 50.000.000 đồng theo theo Phiếu báo nợ ngày 19/5/2021 vào tài khoản số 0531002502011 của bà D mở tại Ngân hàng TMCP T.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà D đã không thanh toán nợ kể từ ngày 06/9/2022 cho đến nay, như vậy bà D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Điều 11 Bản điều khoản và điều kiện cho vay, nguyên đơn được quyền đơn phương chấm dứt cho vay và thu hồi toàn bộ khoản nợ trước hạn.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chấm dứt Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2259476 ngày 17/5/2021 trước thời hạn và yêu cầu bà D thanh toán các khoản nợ sau (Tạm tính đến ngày 11/8/2023):

- Nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 36.651.726 đồng;

- Nợ lãi trong hạn: 12.107.605 đồng;

- Nợ lãi trên nợ gốc chưa thanh toán: 4.667.887 đồng;

- Lãi chậm trả (tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán): 576.063 đồng;

- Phí thu hộ: 132.000 đồng.

Tổng số tiền bà D phải thanh toán là: 54.135.282 đồng. Yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà D còn phải chịu tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 12/8/2023 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán toàn bộ khoản vay theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng vay. Án phí do bà D chịu.

* Bị đơn, Bà Nguyễn Thị Ngọc D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, giấy triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng Bà D vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa,

Đại diện của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nhưng có bản trình bày ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện trong đơn khởi kiện và không bổ sung chứng cứ nào khác, yêu cầu chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn và yêu cầu Tòa án buộc bị đơn, bà Nguyễn Thị Ngọc D phải trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 28/9/2023 là: 56.661.755 đồng. Bao gồm: Nợ gốc: 36.651.726 đồng; Nợ lãi trong hạn: 12.851.966 đồng; Nợ lãi trên nợ gốc bị quá hạn: 6.274.086 đồng; Lãi chậm trả (tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán): 739.977 đồng; Phí thu hộ: 144.000 đồng. Yêu cầu thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 29/9/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi Bà D hoàn tất việc thanh toán xong khoản vay. Bà D phải chịu tiền án phí.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán,

Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Thẩm phán đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn quy định.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn và đại diện nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 85, Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn có hiệu lực pháp luật. Bà D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ sau kỳ thanh toán ngày 05/9/2022 cho đến nay, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chấm dứt Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2259476 trước thời hạn và yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 28/9/2023 là: 56.661.755 đồng. Bao gồm: Nợ gốc: 36.651.726 đồng; Nợ lãi trong hạn: 12.851.966 đồng; Nợ lãi trên nợ gốc bị quá hạn: 6.274.086 đồng; Lãi chậm trả (tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán): 739.977 đồng; Phí thu hộ: 144.000 đồng, Lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 29/9/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi Bà D hoàn tất việc thanh toán xong khoản vay là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn khởi kiện Bà Nguyễn Thị Ngọc D – theo kết quả xác minh của Công an Phường 25, quận B có địa chỉ cư trú tại: 0.24 Chung cư V đường Y, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh – yêu cầu trả nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ triệu tập Bà D để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 07/9/2023 và phiên tòa hôm nay nhưng Bà D vẫn vắng mặt không có lý do. Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Đức Ngân có Đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Do xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty M yêu cầu chấm dứt Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2259476 ngày 17/5/2021 trước thời hạn.

Theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2259476 ngày 17/5/2021 kèm theo Bản điều khoản và điều kiện cho vay mà Bà D đã ký có nội dung đề nghị Công ty M cho vay số tiền là 50.000.000 đồng, hình thức vay tín chấp. Nội dung cụ thể

- Số tiền vay: 52.750.000 đồng, bao gồm 50.000.000đ tiền vay và 2.750.000đ phí bảo hiểm.

- Thời hạn vay: Từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 05/5/2024.

- Lãi suất: 3,75%/tháng;

- Kỳ thanh toán: Ngày 05 dương lịch hàng tháng.

Nội dung hợp đồng là phù hợp quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 13 thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 nên được pháp luật công nhận và có hiệu lực.

Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân 50.000.000 đồng theo Phiếu báo nợ ngày 19/5/2021 vào tài khoản số 0531002502011 của bà D mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, đồng thời chuyển toàn bộ số tiền bảo hiểm 2.750.000 đồng cho Công ty Cổ phần bảo hiểm OPES theo Bảng tổng hợp thanh toán hoạt động đại lý từ ngày 01/5/2021 đến ngày 31/5/2021. Theo bản tính lãi do nguyên đơn cung cấp, quá trình thực hiện Hợp đồng, bà D đã không thanh toán nợ kể từ kỳ thanh toán ngày 05/10/2022 cho đến nay, như vậy bà D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó căn cứ vào Điều 11 Bản điều khoản và điều kiện cho vay, nguyên đơn đã đơn phương chấm dứt Hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 20 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty M, yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc D phải trả số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tạm tính đến ngày 28/9/2023 là: 56.661.755 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/9/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi Bà D hoàn tất việc thanh toán xong khoản vay.

Do bà D vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn đã thu hồi toàn bộ khoản nợ trước hạn, đồng thời chuyển toàn bộ dự nợ còn lại sang nợ quá hạn và tính lãi quá hạn theo đúng thỏa thuận tại Khoản 8.3 của Đề nghị vay và phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Khoản 4 Điều 13, khoản 5 Điều 14, Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D phải trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 28/9/2023 là: 56.661.755 đồng. Cụ thể:

- Nợ gốc: 36.651.726 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 12.851.966 đồng;
- Nợ lãi trên nợ gốc bị quá hạn: 6.274.086 đồng;
- Lãi chậm trả (tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán): 739.977 đồng;
- Phí thu hộ: 144.000 đồng.

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Bà D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.833.088 đồng.

Công ty Tài chính TNHH một thành viên M (Việt Nam) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 1.223.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2023/0028029 ngày 16/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 và điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ Điều 13, 20, 21 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Công ty M nhà nước;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014),

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M (Việt Nam).

Chấm dứt Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2259476 ngày 17/5/2021 kèm theo Bản điều khoản và điều kiện cho vay trước thời hạn.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M (Việt Nam) số tiền nợ phát sinh tạm tính đến ngày 28/9/2023 là: 56.661.755 đồng. Cụ thể:

- Nợ gốc: 36.651.726 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 12.851.966 đồng;
- Nợ lãi trên nợ gốc bị quá hạn: 6.274.086 đồng;
- Lãi chậm trả (tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán): 739.977 đồng;
- Phí thu hộ: 144.000 đồng.

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Ngọc D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2259476 ngày 17/5/2021 kèm theo Bản điều khoản và điều kiện cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.833.088 (Hai triệu tám trăm ba mươi ba ngàn không trăm tám mươi tám) đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M (Việt Nam) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 1.223.000 (Một triệu hai trăm hai mươi ba ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AA/2023/0028029 ngày 16/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M (Việt Nam) và bà Nguyễn Thị Ngọc D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị trong hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND quận B;
- THADS quận B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Kiều Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Thị Nhơn

Trần Văn Phủ

Nguyễn Kiều Trang